| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HUẾ**<br>**TỈNH THỪA THIÊNHUẾ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số**: 29/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/3/2023
*V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Huế.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Hữu Trực và bà Đoàn Thị Thanh Nhàn.

***-Thư ký phiên toà*:** Bà Bùi Thị Huyền Trang, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên toà*:** Ông Trương Công Khanh, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (số 60 Nguyễn Huệ - Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 804/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/11/2022; Về việc " Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2023/QĐST- HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị Trần Thị P, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 02 kiệt 134 đường N, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

*Bị đơn*: Anh Nguyễn Hữu K, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 02 kiệt 134 đường N, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 05/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Trần Thị P đều trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Hữu K quen biết nhau tự nguyện, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000. Đến ngày 03/4/2003 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, anh K hay cờ bạc, ham chơi, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện xin ly hôn anh K để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị P khai chị và anh Khoa có 03 con chung là Nguyễn Hữu Nhật M, sinh ngày 20/4/2002, Nguyễn Hữu Ngọc T, sinh ngày 01/3/2009 và

Nguyễn Hữu Ngọc T, sinh ngày 02/9/2011 hiện đang ở với chị. Chị P có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu T và cháu T và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Hữu Nhật M hiện đã thành niên nên việc ở với ai là quyền của cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 16/02/2023, bị đơn anh Nguyễn Hữu K trình bày*:

Anh không đồng ý ly hôn với chị P do mâu thuẫn vợ chồng chưa đủ lớn. Anh không đến Tòa án làm việc vì anh là người Thiên chúa giáo.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Hữu K không đến Toà án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên toà, anh K vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

*Tại bản tự khai ngày 20/02/2023, cháu* N*guyễn Hữu Ngọc T và cháu Nguyễn Hữu Ngọc T (con gái anh K chị P) trình bày:* Nếu ba mẹ các cháu ly hôn thì các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

*Tại biên bản lấy khai ngày 02/3/2023, bà Huỳnh Thị N (mẹ của chị P) trình bày:* Qúa trình vợ chồng chị P và anh K chung sống với nhau trước đây hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh K ham chơi, nợ nần, không quan tâm gì đến vợ con, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị P xin ly hôn anh K thì bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin ly hôn anh Nguyễn Hữu K, xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quyền và nghĩa vụ của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử chưa thực hiện đúng các quy định tại khoản 16 Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án*:* Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị P được ly hôn anh Nguyễn Hữu K.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu Ngọc T, sinh ngày 01/3/2009 và Nguyễn Hữu Ngọc T, sinh ngày 02/9/2011 cho chị Trần Thị P chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị P không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị P không yêu cầu Toà án giải quyết nên Viện kiểm sát không xem xét.

Về án phí: Buộc chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị P khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Nguyễn Hữu K. Anh K có nơi cư trú: Số 02 kiệt 134 đường N, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Huế thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về nội dung:

*[2.1]* Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu K và chị Trần Thị P có quá trình chung sống với nhau, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú N, thành phố Huế vào ngày 03/4/2003 (số 19, năm 2003). Như vậy, hôn nhân giữa anh K và chị P là hợp pháp.

*[2.2]* Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị P, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo trình bày của chị P thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, anh K ham chơi, cờ bạc, nợ nần, không lo làm ăn, sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay là phù hợp với xác minh tại chính quyền địa phương phường P, thành phố Huế xác nhận "*Từ năm 2017, anh K bỏ vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay* ". Như vậy, có cơ sở xác định đời sống chung hiện nay giữa anh K và chị P không tồn tại.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Toà án đã nhiều lần tống đạt giấy triệu tập, nhưng anh K từ chối nhận văn bản tố tụng, không đến Toà án để làm việc, hòa giải và không tham gia xét xử tại phiên tòa, là thể hiện sự bỏ mặc, không có thiện chí mong muốn hòa giải để đoàn tụ gia đình, nên mục đích hôn nhân là không thể đạt được.

Xét thấy hôn nhân giữa anh K và chị P đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế, nên Hội đồng xét xử cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận đơn của chị P, cho chị P được ly hôn anh K.

*[2.3]* Về con chung: Chị P và anh K có 03 con chung là Nguyễn Hữu Nhật M, sinh ngày 20/4/2002, Nguyễn Hữu Ngọc T, sinh ngày 01/3/2009 và Nguyễn Hữu Ngọc T, sinh ngày 02/9/2011 hiện đang ở với chị P.

Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của chị P, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng chị P và anh K là do anh K ham chơi, cờ bạc, không lo làm ăn, thiếu trách nhiệm với gia đình; Tại bản tự khai của cháu Nguyễn Hữu Ngọc T và cháu Nguyễn Hữu Ngọc T đều thể hiện nội dung các cháu có nguyện vọng sống với mẹ. Nhằm để đảm bảo sự phát triển bình thường, ổn định tâm lý và phù hợp với nguyện vọng của các cháu cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, không gây xáo trộn việc hiện nay hai cháu đang ở với chị Phượng, nên Hội đồng xét xử cần phải giao cháu T và cháu Trân cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

*[2.4]* Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Do chị P không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh K chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

*[2.5]* Về tài sản chung và nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*[2.6]* Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí  hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của  Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là chị Trần Thị P đối với anh Nguyễn Hữu K về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Chị Trần Thị P được ly hôn anh Nguyễn Hữu K.

**2.** Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu Ngọc T, sinh ngày 01/3/2009 và cháu Nguyễn Hữu Ngọc T, sinh ngày 02/9/2011 cho chị Trần Thị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Anh K chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phượng không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4.** Về án phí: Chị Phượng phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm gồm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004731 ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Chị P đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- *TAND tỉnh TTHuế;*
- *VKSND thành phố Huế;*
- *Chi cục Thi hành án TP Huế;*
- *Các đương sự;*
- *UBND phường Phú Nhuận, TP Huế, tỉnh TTHuế.*
- *Lưu hồ sơ, lưu dán.*

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Huế**